|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **KHOA CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM** | **Ngành đào tạo: Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm**  **Trình độ đào tạo: Đại học** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

1. **Thông tin chung về học phần**

**Tên học phần : Đồ án đảm bảo chất lượng thực phẩm**

**Tên tiếng Anh :** Quality Assurance Project

**Bộ môn phụ trách :** Quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm

**Mã học phần :** 22204026

**Loại học phần :**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giáo dục đại cương **🞏** | | Giáo dục chuyên nghiệp **⌧** | | | |
| Bắt buộc **🞏** | Tự chọn **🞏** | Cơ sở ngành **🞏** | | Chuyên ngành **⌧** | |
| Bắt buộc **🞏** | Tự chọn **🞏** | Bắt buộc **⌧** | Tự chọn **🞏** |

**Số tín chỉ :** 1 (0,1,4)

**Phân bố thời gian :**

* Tổng số tiết : 300 tiết
* Số tiết lý thuyết : 00 tiết
* Số tiết thí nghiệm/thực hành (TN/TH) : 60 tiết
* Số tiết tự học : 240 tiết

**Điều kiện tham gia học tập học phần**:

* Học phần tiên quyết: Không;
* Học phần học trước: Học phần này được học sau khi sinh viên đã học các môn cơ sở ngành bắt buộc, cơ sở ngành tự chọn và chuyên ngành bắt buộc, chuyên ngành tự chọn;
* Học phần song hành: Không.

1. **Mục tiêu học phần:**

Học phần “đồ án đảm bảo chất lượng thực phẩm” trang bị cho người học các kiến thức cơ bản và chuyên môn để giải thích các vấn đề trong lĩnh vực đảm bảo chất lượng; thiết kế; khảo sát, kiểm soát chất lượng thưc phẩm; xác định, đánh giá rủi ro trong sản xuất; tham gia xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng và sử dụng các công cụ kiểm soát thống kê và cải tiến chất lượng thực phẩm.

1. **Chuẩn đầu ra của học phần:**

Chuẩn đầu ra (CĐR) chi tiết của học phần như sau:

* LO1: Vận dụng các kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm để giải thích các vấn đề trong thực tiễn.
* LO2: Thực hiện chính xác thiết kế và tiến hành thí nghiệm, khảo sát, kiểm soát chất lượng thực phẩm từ nhà cung cấp nguyên liệu đến người tiêu dùng.
* LO3: Phân tích, lập luận tầm hệ thống và giải quyết vấn đề liên quan đến công nghệ sản xuất và đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm
* LO4: Thực hiện đúng qui định về an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo chất lượng; Trung thực trong báo cáo
* LO5: Thực hiện chính xác tìm kiếm, đọc và tổng hợp các tài liệu liên quan đến hệ thống đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm; Sử dụng tin học văn phòng và các phần mềm phục vụ môn học thuần thục
* LO6: Thành thạo khả năng truyền đạt vấn đề, làm việc độc lập và khả năng hợp tác làm việc nhóm
* LO7: Thành thảo khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong quá trình đọc tài liệu chuyên ngành, tìm hiểu các hệ thống quản lý chất lượng nguyên liệu, bán thành phẩm và sản phẩm
* LO8: Phân tích, giải thích được xu hướng thị trường và bối cảnh xã hội ảnh hưởng đến các hoạt động đảm bảo chất lượng, an toàn xã hội
* LO9: Hình thành ý tưởng, thiết lập các yêu cầu, thiết kế và phát triển quá trình, quy trình hoặc hệ thống đảm bảo bảo chất lượng, an toàn thực phẩm
* LO10: Có khả năng triển khai thực hiện, giám sát các hoạt động liên quan đến đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm

**4. Nội dung học phần:**

**4.1. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

* Giao nhiệm vụ và hướng dẫn thực hiện đồ án;
* Chuẩn bị tài liêu/cơ sở thực hiện đồ án;
* Thực hiện đồ án;
* Báo cáo đồ án.

**4.2. Phân bố thời gian các chương trong học phần:**

| STT | Tên chương | **Phân bố thời gian** *(tiết hoặc giờ)* | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng** | **Lý thuyết** | **TN/TH** | **Tự học** |
|  | Giao nhiệm vụ và hướng dẫn thực hiện đồ án | 25 | 0 | 5 | 20 |
|  | Chuẩn bị tài liêu/cơ sở thực hiện đồ án | 50 | 0 | 10 | 40 |
|  | Thực hiện đồ án | 200 | 0 | 40 | 160 |
|  | Báo cáo đồ án | 25 | 0 | 5 | 20 |
| **Tổng** | | **300** | **0** | **60** | **240** |

**4.3. Nội dung chi tiết của học phần:**

**Chương 1. Giao nhiệm vụ và hướng dẫn thực hiện đồ án**

1.1. Nêu mục đích, ý nghĩa của việc thực hiện đồ án

1.2. Giao nhiệm vụ, phổ biến quy định, kế hoạch thực hiện đồ án

* Hướng dẫn chọn đề tài, lĩnh vực và phạm vi thực hiện
* Hướng dẫn quy trình, nội dung các bước thực hiện đồ án
* Nhấn mạnh các yêu cầu, kết quả cần đạt, chuẩn đầu ra của đồ án
* Hướng dẫn lập kế hoạch thực hiện và kiểm soát tiến độ

1.3. Hướng dẫn tìm hiểu, tập hợp thông tin, tài liệu

**Chương 2. Chuẩn bị tài liệu/ cơ sở thực hiện đồ án**

2.1. Hướng dẫn lựa chọn tài liệu tham khảo phù hợp

2.2. Hướng dẫn viết đề cương chi tiết

2.3. Hướng dẫn cách viết báo cáo

**Chương 3. Thực hiện đồ án**

3.1. Giới thiệu về cơ sở, quy trình sản xuất (có thể sử dụng mô hình mô phỏng)

3.2. Mô tả thực trạng tại cơ sở

3.3. So sánh, đánh giá so với các quy định, tiêu chuẩn hiện hành

3.4. Xây dựng quy trình/biện pháp (và các biểu mẫu nếu có) kiểm soát phù hợp với các yêu cầu hiện hành

3.5. Rà soát và hoàn thiện bài báo cáo

**Chương 4. Báo cáo đồ án**

4.1. Chuẩn bị

+ Lựa chọn các nội dung quan trọng và lập bố cục cho bài báo cáo

+ Soạn file trình chiếu

+ Thực hành báo cáo (theo nhóm) và hoàn thiện

4.2. Báo cáo và trả lời câu hỏi của hội đồng

**5. Đánh giá học phần:**

* Thang điểm đánh giá: 10/10
* Đánh giá học phần: Sử dụng rubric III.3, điểm môn học là điểm trung bình cộng của yêu cầu thực hiện đồ án.
* Ma trận đánh giá chuẩn đầu ra của học phần như sau:

| **Các CĐR** | **Chuyên cần**  **(10%)** | **Nộp bài đúng hạn (5%)** | **Nội dung**  **(35%)** | **Hình thức**  **(10%)** | **Báo cáo**  **(20 %)** | **Vấn đáp**  **(20%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| LO1 | x | x | x |  |  | x |
| LO2 | x | x | x | x |  |  |
| LO3 |  |  | x | x | x | x |
| LO4 | x | x | x | x | x | x |
| LO5 | x |  | x | x | x | x |
| LO6 | x |  | x | x | x | x |
| LO7 |  |  | x | x | x | x |
| LO8 |  |  | x | x | x | x |
| LO9 | x | x | x | x | x | x |

**6. Giảng dạy và học tập:**

* Ma trận phương pháp giảng dạy để đáp ứng chuẩn đầu ra học phần:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phương pháp giảng dạy** | **Phương pháp học tập** | **Các chuẩn đầu ra học phần** | | | | | | | | |
| LO1 | LO2 | LO3 | LO4 | LO5 | LO6 | LO7 | LO8 | LO9 |
| Thuyết trình, diễn trình | Lắng nghe, ghi chép, suy nghĩ, đọc và ghi nhớ | x | x | x |  | x |  |  |  |  |
| Đàm thoại, thảo luận | Đàm thoại, thảo luận | x | x | x |  |  | x | x | x | x |
| Vấn đáp cá nhân | Suy luận, diễn giải, trả lời câu hỏi | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Vấn đáp nhóm | Suy luận, thảo luận, diễn giải, trả lời câu hỏi | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Giải đáp tình huống | Giải quyết tình huống trong thực tiễn | x |  | x |  | x | x | x | x | x |

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

* Tự ôn lại kiến thức đã học về các môn phân tích thực phẩm, nỗ lực tra cứu và tham khảo các tài liệu có liên quan;
* Liên hệ giảng viên hướng dẫn và tuân thủ theo sự chỉ dẫn của giảng viên;
* Viết báo cáo đồ án và hoàn thành đồ án đúng tiến độ;
* Bảo vệ đồ án;

**8. Tài liệu học tập:**

**8.1. Sách, giáo trình chính:**

Không.

**8.2. Tài liệu tham khảo:**

[1] Bộ môn QLCL-ATTP, *Bài giảng Quản lý chất lượng và cải tiến*, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh (Lưu hành nội bộ).

[2] Đỗ Thị Lan Nhi, *Bài giảng điện tử Đánh giá rủi ro và quản lý an toàn thực phẩm*, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh (Lưu hành nội bộ).

[3] Đỗ Thị Lan Nhi, *Bài giảng điện tử Quản lý chuỗi cung ứng và truy nguyên nguồn gốc thực phẩm*, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh (Lưu hành nội bộ).

[4] Các tài liệu tiêu chuẩn: ISO, TCVN

**9. Hướng dẫn thực hiện:**

Đề cương này được áp dụng cho sinh viên đại học ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, từ khóa 08DH.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **RUBRIC III.3: ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN HỌC PHẦN** | | | | | | |
| ***(Dành cho học phần Đồ án đảm bảo chất lượng thực phẩm)*** | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **Tiêu chí** | **Trọng số (%)** | **Giỏi** | **Khá** | **Trung bình** | **Trung bình yếu** | **Kém** |
| **8.5 - 10** | **7.0 - 8.4** | **5.5 - 6.9** | **4.0 - 5.4** | **Dưới 4** |
| Chuyên cần | 10 | Tham dự đầy đủ các buổi gặp mặt theo yêu cầu | Có vắng 1 buổi có phép | Vắng trên 1 buổi có phép | Vắng 1 buổi không phép | Không tham dự các buổi gặp mặt |
| Nộp bài đúng hạn | 5 | Nộp bài đúng hạn | Nộp bài trễ 1 ngày | Nộp bài trễ 2 ngày | Nộp bài trễ 3 ngày | Nộp bài trễ trên 3 ngày |
| Nội dung | 35 | Đầy đủ nội dung, cập nhật, tính ứng dụng rõ ràng, sáng tạo | Đầy đủ nội dung, cập nhật, tính ứng dụng chung chung | Đầy đủ nội dung, cập nhật, tính ứng dụng chung chung, thiếu 1 vài nội dung không quan trọng | Khá đủ nội dung, cập nhật chưa đầy đủ, tính ứng dụng mơ hồ, thiếu 1 nội dung quan trọng | Thiếu nhiều nội dung quan trọng, không cập nhật, không thể hiện được tính ứng dụng |
| Hình thức | 10 | Rõ ràng, nhất quán, không sai lỗi chính tả | Rõ ràng, có 1 vài sai sót nhỏ về trình bày, lỗi vi phạm 1 đến 5 lỗi chính tả | Có nhiều sai sót nhỏ trong trình bày, vi phạm trên 5 lỗi chính tả | Có nhiều sai sót trong lỗi trình bày, vi phạm trên 10 lỗi chính tả | Không đồng nhất, sai chính tả quá nhiều |
| Báo cáo -Vấn đáp | 40 | Báo cáo đầy đủ, mạch lạc, tác phong tự tin, trả lời đúng 80% câu hỏi | Báo cáo đầy đủ, đáp ứng được các yêu cầu cơ bản, còn thiếu sót một vài lỗi không quan trọng, trả lời đúng 60% câu hỏi | Báo cáo tương đối đầy đủ, còn thiếu sót 1 đến 3 lỗi quan trọng, trả lời đúng 40% câu hỏi | Báo cáo còn nhiều thiếu sót quan trọng (trên 3 lỗi), trả lời đúng 20% câu hỏi | Không báo cáo, hoặc có báo cáo nhưng không đầy đủ, không trả lời được câu hỏi |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Trọng số (%)** | **Tiêu chuẩn** | **Điểm** |
| Chuyên cần | 10 | Giỏi (8,5 – 10) |  |
| Khá (7,0 – 8,4) |
| Trung bình (5,5 – 6,9) |
| Trung bình – Yếu (4,0 – 5,4) |
| Kém (dưới 4,0) |
| Nộp bài đúng hạn | 5 | Giỏi (8,5 – 10) |  |
| Khá (7,0 – 8,4) |
| Trung bình (5,5 – 6,9) |
| Trung bình – Yếu (4,0 – 5,4) |
| Kém (dưới 4,0) |
| Nội dung | 35 | Giỏi (8,5 – 10) |  |
| Khá (7,0 – 8,4) |
| Trung bình (5,5 – 6,9) |
| Trung bình – Yếu (4,0 – 5,4) |
| Kém (dưới 4,0) |
| Hình thức | 10 | Giỏi (8,5 – 10) |  |
| Khá (7,0 – 8,4) |
| Trung bình (5,5 – 6,9) |
| Trung bình – Yếu (4,0 – 5,4) |
| Kém (dưới 4,0) |
| Báo cáo -Vấn đáp | 40 | Giỏi (8,5 – 10) |  |
| Khá (7,0 – 8,4) |
| Trung bình (5,5 – 6,9) |
| Trung bình – Yếu (4,0 – 5,4) |
| Kém (dưới 4,0) |